

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Số: 59/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Kon Tum, ngày 07 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long.

2. Bà Chế Thị Mai.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 477/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Lan T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Hẻm 306/2A Trần Nhân T, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 666 Phan Đình P, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị Lan T và anh Nguyễn Quốc H thỏa thuận – thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 03 con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 04/8/2008, Nguyễn Gia N, sinh ngày 04/8/2008 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 14/02/2020.

Chị Bùi Thị Lan T và anh Nguyễn Quốc H thỏa thuận: Giao 03 con chung là Nguyễn Thái B, Nguyễn Gia N và Nguyễn Phương N cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, Điều 19, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị Lan T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, anh Nguyễn Quốc H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn. Chị T nhận chịu thay án phí cho anh H nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003888 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Kon Tum;
- Chi cục THA dân sự TP Kon Tum;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM BÁ NGHIÊN